

A Thuat KT

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *g120* /UBND-KT

Đồng Nai, ngày *29* tháng 9 năm 2014

V/v triển khai thực hiện Thông
tư số 132/2014/TT-BTC ngày
10/9/2014 của Bộ Tài chính.

Kính gửi: Sở Tài chính.

UBND tỉnh nhận được Thông tư số 132/2014/TT-BTC ngày 10/9/2014 của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm kiểm định chất lượng an toàn kỹ thuật đối với xe đạp điện; phí kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe mô tô ba bánh và các loại xe tương đương đang lưu hành (bản sao đính kèm); Chủ tịch UBND tỉnh có ý kiến như sau:

Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Thông tư số 132/2014/TT-BTC ngày 10/9/2014 của Bộ Tài chính trên địa bàn tỉnh theo quy định.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, kịp thời báo cáo đề xuất Bộ Tài chính và UBND tỉnh theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch và các Phó Chủ tịch;
- Chánh - Phó Văn phòng;
- Lưu: VT, KT.

TháiTM

**TL. CHỦ TỊCH
KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ VĂN PHÒNG**



Lê Sĩ Lâm

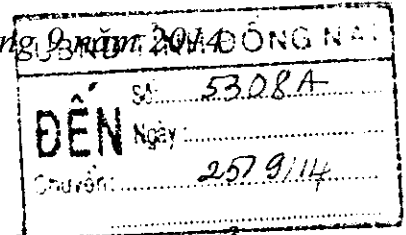
BỘ TÀI CHÍNH

Số:132/2014/TT-BTC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 10 tháng 9 năm 2014



THÔNG TƯ

Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí kiểm định chất lượng an toàn kỹ thuật đối với xe đạp điện; phí kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe mô tô ba bánh và các loại xe tương tự đang lưu hành

Căn cứ Luật giao thông cơ giới đường bộ số 23/2008/QH12 ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Pháp lệnh phí và lệ phí số 38/2001/PL-UBTVQH10 ngày 28 tháng 8 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002; Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách Thuế,

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí kiểm định chất lượng an toàn kỹ thuật đối với xe đạp điện; phí kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe mô tô ba bánh và các loại xe tương tự đang lưu hành, như sau:

Điều 1. Người nộp phí

Tổ chức, cá nhân khi nộp hồ sơ đề nghị cơ quan đăng kiểm thực hiện kiểm định chất lượng an toàn kỹ thuật đối với xe đạp điện; kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe mô tô ba bánh và các loại xe tương tự đang lưu hành phải nộp phí kiểm định theo quy định tại Thông tư này.

Điều 2. Mức thu phí

Mức thu phí kiểm định được quy định như sau:

Số tt	Nội dung	Mức thu phí
1	Phí kiểm định chất lượng an toàn kỹ thuật xe đạp điện	
1	Thử nghiệm xe đạp điện	5.000.000 đồng/mẫu
2	Kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật đối với xe đạp điện sản xuất lắp ráp	20.000 đồng/chiếc
3	Kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật đối với xe đạp điện nhập khẩu	30.000 đồng/chiếc
II	Phí kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe mô tô ba bánh và các loại xe tương tự đang lưu hành	100.000 đồng/lần kiểm định

Mức thu phí theo Biểu nêu trên đã gồm thuế giá trị gia tăng nhưng không bao gồm lệ phí cấp giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật đối với xe đạp điện; xe mô tô ba bánh và các loại xe tương tự đang lưu hành theo quy định tại Thông tư số 102/2008/TT-BTC ngày 11/11/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy chứng nhận bảo đảm chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với máy móc, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải.

Điều 3. Tổ chức thu, quản lý và sử dụng phí

1. Cơ quan thu phí là cơ quan đăng kiểm hoặc tổ chức được giao nhiệm vụ thực hiện kiểm định chất lượng an toàn kỹ thuật xe đạp điện; kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe mô tô ba bánh và các loại xe tương tự đang lưu hành.

2. Phí kiểm định chất lượng an toàn kỹ thuật đối với xe đạp điện và phí kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe mô tô ba bánh và các loại xe tương tự đang lưu hành là khoản thu không thuộc ngân sách nhà nước. Cơ quan thu phí có nghĩa vụ nộp thuế theo quy định của pháp luật đối với số phí thu được và có quyền quản lý, sử dụng số tiền thu phí sau khi đã nộp thuế theo quy định.

3. Các nội dung liên quan đến việc thu, quản lý, sử dụng, công khai chế độ thu phí không quy định tại Thông tư này được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí, lệ phí và Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25 tháng 5 năm 2006 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC, Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ, Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2014 của Bộ

Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 và Nghị định số 04/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoá đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 9 năm 2014.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Tài chính để nghiên cứu, hướng dẫn. / *hm*

Nơi nhận:

- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Công báo;
- Cục kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Ủy ban nhân dân, Sở Tài chính, Cục Thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Website Chính phủ;
- Website Bộ Tài chính;
- Lưu VT, CST (CST 5). (350)

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Đỗ Hoàng Anh Tuấn